

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số /2023/TT-BGTVT Hà Nội, ngày tháng năm 2023

THÔNG TƯ

**Quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt,
di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt**

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về cấp, cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt (sau đây gọi là Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện) hoạt động trên đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị và việc di chuyển phương tiện giao thông đường sắt (sau đây gọi là phương tiện) trong trường hợp đặc biệt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cấp, cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện và di chuyển phương tiện trong trường hợp đặc biệt.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phương tiện chuyên dùng di chuyển trên đường sắt* là phương tiện dùng để vận chuyển người, vật tư, thiết bị phục vụ cho các mục đích: cứu viện; cứu hộ tai nạn giao thông đường sắt; kiểm tra, thi công, bảo trì, sửa chữa công trình đường sắt.

2. Thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu của phương tiện giao thông đường sắt là việc thay đổi kiểu loại động cơ, thay đổi công suất động cơ, thay đổi kiểu truyền động, thay đổi khổ đường đối với đầu máy; thay đổi kiểu loại, thay đổi tải trọng, thay đổi giá chuyển hướng khác kiểu loại, thay đổi khổ đường đối với toa xe; thay đổi kiểu loại, thay đổi khổ đường đối với phương tiện chuyên dùng; thay đổi kiểu loại, công suất động cơ, kiểu truyền động đối với toa xe động lực đường sắt đô thị.

Chương II

ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN

Mục 1

CẤP, CẤP LẠI, THU HỒI, XÓA

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN

Điều 4. Quy định chung

1. Các phương tiện nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp trong nước trước khi đưa vào khai thác, vận dụng trên đường sắt phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo quy định tại Thông tư này.

2. Chủ sở hữu phương tiện (sau đây gọi là chủ sở hữu) phải làm thủ tục đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo quy định tại Thông tư này trong các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 31 Luật Đường sắt hoặc trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hư hỏng hoặc bị mất.

3. Chủ sở hữu phải làm thủ tục đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo quy định tại Thông tư này trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 31 Luật Đường sắt.

4. Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện được quy định tại Phụ lục I của Thông tư này. Đối với trường hợp cấp lại, trên Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện có thêm dòng chữ "Cấp lại lần 1, Cấp lại lần 2...".

Điều 5. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện

1. Cục Đường sắt Việt Nam tổ chức cấp, cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trên đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị nêu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tổ chức cấp, cấp lại, thu hồi, xóa

Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trên đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị theo quy định của Thông tư này.

Điều 6. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện

1. Bản chính văn bản giấy hoặc bản điện tử đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của chủ sở hữu theo mẫu quy định tại Phụ lục III của Thông tư này.

2. Bản chính văn bản giấy hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực các giấy tờ của phương tiện bao gồm:

Hợp đồng mua bán, cho, tặng; chứng từ đã nộp lệ phí trước bạ (nếu có); quyết định điều chuyển phương tiện; hóa đơn của tổ chức, cá nhân bán phương tiện (nếu phương tiện đã chuyển qua nhiều tổ chức, cá nhân thì khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện chỉ cần hóa đơn của tổ chức, cá nhân bán cuối cùng); Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện do tổ chức đăng kiểm Việt Nam hoặc tổ chức đăng kiểm nước ngoài được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ủy quyền cấp còn hiệu lực. Đối với các giấy tờ bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt đã được công chứng dịch thuật kèm theo.

3. Trường hợp trong cùng một hợp đồng mua bán, cho, tặng phương tiện, hóa đơn, tờ khai hải quan của hồ sơ có kê khai nhiều phương tiện thì chủ sở hữu có trách nhiệm cung cấp bảng kê khai cho từng phương tiện đề nghị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoặc hồ sơ đối với từng phương tiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Đối với phương tiện nhập khẩu, ngoài các giấy tờ theo quy định tại khoản 2 Điều này thì cần phải có thêm bản chính văn bản giấy hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực tờ khai hải quan dùng cho phương tiện nhập khẩu hoặc tờ khai hải quan đã được thông quan.

5. Trường hợp phương tiện không có hợp đồng mua bán, hóa đơn riêng (do việc mua bán các phương tiện chỉ là hợp phần của gói thầu và không thể tách rời) thì phải có bản chính văn bản giấy hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực hợp đồng gói thầu hoặc hợp phần của gói thầu có thể hiện việc cung cấp phương tiện, biên bản bàn giao phương tiện cho chủ sở hữu.

Điều 7. Hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện

1. Trường hợp chuyển quyền sở hữu

Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Bản chính văn bản giấy hoặc bản điện tử đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của chủ sở hữu theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư này; bản gốc hoặc bản điện tử Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp;

b) Bản chính văn bản giấy hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực giấy tờ chứng minh quyền sở hữu phương tiện: Hợp đồng cho, tặng, mua bán, hóa đơn mua bán phương tiện, chứng từ đã nộp lệ phí trước bạ (nếu có), quyết định điều chuyển phương tiện, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu chủ sở hữu đổi tên), biên bản bàn giao tài sản kèm theo danh mục phương tiện.

c) Bản chính văn bản giấy hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực.

2. Trường hợp phương tiện thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu

Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Bản chính văn bản giấy hoặc bản điện tử đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của chủ sở hữu theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư này; bản gốc hoặc bản điện tử Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp;

b) Bản chính văn bản giấy hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực.

3. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị mất hoặc hư hỏng

Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Bản chính văn bản giấy hoặc bản điện tử đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của chủ sở hữu theo mẫu quy định tại Phụ lục V của Thông tư này; bản gốc hoặc bản điện tử Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp (trường hợp bị hư hỏng);

b) Bản chính văn bản giấy hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực.

Điều 8. Hồ sơ đề nghị thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện

Hồ sơ bao gồm bản chính văn bản giấy hoặc bản điện tử đơn đề nghị thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục

VI của Thông tư này; bản gốc hoặc bản điện tử Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp.

Điều 9. Thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện

1. Các hình thức nộp hồ sơ

Chủ sở hữu nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Thông tư này đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 5 Thông tư này theo một trong các hình thức:

a) Nộp trực tiếp tại bộ phận một cửa của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (sau đây gọi là cơ quan nhà nước có thẩm quyền);

b) Nộp qua cổng dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cổng dịch vụ công quốc gia;

c) Nộp qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định của Thông tư này, trong vòng 01 ngày làm việc (nếu tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc cổng dịch vụ công quốc gia) hoặc 02 ngày làm việc (nếu tiếp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác) kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.

3. Thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (trừ trường hợp cấp lại theo quy định tại điểm b khoản này). Chủ sở hữu có trách nhiệm nộp lệ phí theo quy định. Trường hợp được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, nếu chủ sở hữu đã nộp bản điện tử Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc cổng dịch vụ công quốc gia thì có trách nhiệm nộp lại bản gốc cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị mất

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho chủ sở hữu Giấy xác nhận đã khai báo mất Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ

lục VII của Thông tư này. Thời gian cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện là 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. Chủ sở hữu có trách nhiệm nộp lệ phí theo quy định.

c) Trường hợp không cấp, không cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, trong thời hạn giải quyết thủ tục hành chính quy định tại điểm a, điểm b Khoản này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu và nêu rõ lý do.

4. Thủ tục thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu về việc thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. Trường hợp chủ phương tiện đã nộp bản điện tử Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc cổng dịch vụ công quốc gia thì có trách nhiệm nộp lại bản gốc cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Mục 2

QUY ĐỊNH VỀ SỐ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN

Điều 10. Nguyên tắc đánh số đăng ký phương tiện

1. Đối với đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng

a) Số đăng ký phương tiện gồm 02 nhóm ký hiệu, như sau:

Nhóm 1 ở hàng trên: Tên viết tắt hoặc tên thương mại của doanh nghiệp là chủ sở hữu;

Nhóm 2 ở hàng dưới: Gồm chữ và số do chủ sở hữu đề xuất (không trái với các quy định pháp luật hiện hành), phù hợp với công tác quản lý sản xuất kinh doanh của chủ sở hữu.

Ví dụ: Số đăng ký toa xe của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (Tên thương mại bằng tiếng Anh viết tắt là VNR) như sau:

VNR

H 431328

b) Đối với các phương tiện bị hạn chế kích thước thành, bộ xe hoặc do các yếu tố khách quan khác có thể kể ký hiệu nhóm 1, nhóm 2 trên cùng một hàng.

2. Đối với đường sắt đô thị

a) Số đăng ký phương tiện gồm 02 nhóm ký hiệu, như sau:

Nhóm 1 ở hàng trên: Tên viết tắt hoặc tên giao dịch quốc tế của doanh nghiệp là chủ sở hữu;

Nhóm 2 ở hàng dưới: Gồm chữ và số chỉ tuyến đường sắt, số đoàn tàu, số toa tàu hoặc số hiệu đầu máy, phương tiện chuyên dùng do chủ sở hữu đề xuất.

Ví dụ: Số đăng ký toa xe của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đường sắt Hà Nội (Tên giao dịch quốc tế viết tắt là HANOI METRO) như sau:

HANOI METRO

HN02A001-01

b) Đối với các phương tiện bị hạn chế kích thước thành, bộ xe hoặc do các yếu tố khách quan khác có thể kẻ ký hiệu nhóm 1, nhóm 2 trên cùng một hàng.

Điều 11. Quy định về vị trí kẻ số đăng ký, màu của chữ và số đăng ký phương tiện

1. Vị trí kẻ số đăng ký trên phương tiện

Số đăng ký của phương tiện phải được kẻ ở hai bên ngoài thành hoặc ở hai đầu phương tiện tại vị trí thích hợp, bảo đảm dễ quan sát, dễ nhận biết.

2. Màu của số đăng ký phương tiện

a) Màu trắng hoặc màu vàng nếu thành của phương tiện là màu sẫm;

b) Màu xanh cô ban hoặc màu đen nếu thành của phương tiện là màu sáng.

Điều 12. Kiểu chữ, kích thước chữ, số của số đăng ký phương tiện

1. Chữ và chữ số dùng phông chữ Arial, kiểu đậm, đứng.

2. Chiều cao chữ in hoa và chữ số từ 120 mm đến 150 mm.

3. Chiều cao chữ in thường (nếu có) bằng 50% chữ in hoa.

Mục 3

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 13. Chế độ báo cáo

1. Tên báo cáo: Báo cáo thống kê tình hình đăng ký phương tiện giao thông đường sắt.

2. Nội dung yêu cầu báo cáo

a) Tổng số phương tiện tại thời điểm báo cáo;

b) Biến động số lượng phương tiện so với kỳ báo cáo trước;

c) Tổng số phương tiện có Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện tại thời điểm báo cáo;

d) Số liệu cấp, cấp lại, xóa, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trong năm báo cáo;

đ) Dự kiến nhu cầu năm tới;

e) Các nội dung cụ thể;

3. Đối tượng thực hiện báo cáo: Chủ sở hữu, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Cơ quan nhận báo cáo:

a) Cục Đường sắt Việt Nam, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của địa phương nhận báo cáo từ Chủ sở hữu;

b) Bộ Giao thông vận tải nhận báo cáo từ Cục Đường sắt Việt Nam.

5. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo định kỳ được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử, được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống thư điện tử hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

6. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Chủ sở hữu gửi báo cáo về Cục Đường sắt Việt Nam, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của địa phương định kỳ từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu;

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của địa phương gửi báo cáo về Cục Đường sắt Việt Nam định kỳ từ ngày 21 đến ngày 23 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu;

c) Cục Đường sắt Việt Nam gửi báo cáo về Bộ Giao thông vận tải định kỳ từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu.

7. Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu.

8. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 năm báo cáo hoặc đến thời điểm theo yêu cầu.

9. Mẫu báo cáo: Theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III

DI CHUYỂN PHƯƠNG TIỆN TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

Điều 14. Các trường hợp đặc biệt khi di chuyển phương tiện trên đường sắt

Phương tiện chưa đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Đường sắt được phép di chuyển trong các trường hợp đặc biệt sau đây:

1. Di chuyển để kiểm tra, thử nghiệm các tính năng kỹ thuật của phương tiện trước khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác, vận dụng.

2. Di chuyển từ vị trí tập kết này đến vị trí tập kết khác để cất giữ, bảo quản.

3. Di chuyển phục vụ công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, tai nạn, dịch bệnh, thực hiện nhiệm vụ khẩn cấp về quốc phòng, an ninh khi có yêu cầu.

Điều 15. Yêu cầu khi di chuyển phương tiện trong trường hợp đặc biệt

1. Người điều khiển phương tiện phải chịu sự điều hành giao thông vận tải của cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm điều hành giao thông vận tải đường sắt.

2. Tốc độ, tải trọng của phương tiện không được vượt quá thiết kế kỹ thuật của phương tiện, đồng thời phải tuân thủ công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng đã được công bố trên đoạn, tuyến đường sắt di chuyển theo quy định.

3. Tổ chức, cá nhân khi di chuyển phương tiện chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Mục 1

VỀ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN

Điều 16. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Tổ chức cấp, cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trên đường sắt theo thẩm quyền.

2. Lập sổ hoặc sổ điện tử theo dõi việc sử dụng phôi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo quy định tại Phụ lục IX của Thông tư này.

3. Thu và sử dụng lệ phí việc cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư này.

5. Thực hiện cập nhật dữ liệu về đăng ký phương tiện theo thẩm quyền vào vào cơ sở dữ liệu đăng ký phương tiện lĩnh vực đường sắt của Cục Đường sắt Việt Nam.

6. Lưu trữ và quản lý hồ sơ cấp, cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo quy định.

7. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được Bộ Giao thông vận tải phân cấp giải quyết cấp, cấp lại, thu hồi xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trên đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị, Cục Đường sắt Việt Nam tổ chức kiểm tra, hướng dẫn địa phương việc thực hiện quy định của Thông tư này.

Điều 17. Chủ sở hữu phương tiện

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và hợp pháp của hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo quy định của Thông tư này.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm của chủ sở hữu nêu trong thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo quy định của Thông tư này.
3. Nộp phí, lệ phí đối với việc cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký theo quy định của pháp luật.
4. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư này.
5. Thường xuyên cập nhật dữ liệu về phương tiện vào cơ sở dữ liệu đăng ký phương tiện lĩnh vực đường sắt của Cục Đường sắt Việt Nam.

Mục 2

VỀ DI CHUYỂN PHƯƠNG TIỆN TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

Điều 18. Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị, chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng

1. Cung cấp thông tin về kết cấu hạ tầng đường sắt phục vụ việc xây dựng phương án di chuyển của phương tiện.
2. Thống nhất nội dung điều hành giao thông vận tải đường sắt khi di chuyển phương tiện.
3. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu di chuyển phương tiện trong trường hợp đặc biệt trong phạm vi kết cấu hạ tầng đường sắt được giao quản lý theo quy định của pháp luật.
4. Chủ trì điều hành giao thông đường sắt khi di chuyển phương tiện trong trường hợp đặc biệt theo thẩm quyền.

Điều 19. Chủ sở hữu phương tiện, tổ chức, cá nhân có nhu cầu di chuyển phương tiện trên đường sắt trong trường hợp đặc biệt

1. Lập phương án di chuyển phương tiện và phải được sự thống nhất của các cơ quan, tổ chức sau đây:
 - a) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt khi phương tiện di chuyển trên đường sắt quốc gia;
 - b) Chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng khi phương tiện di chuyển trên đường sắt chuyên dùng;
 - c) Doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị khi phương tiện di chuyển trên đường sắt đô thị.

2. Chịu trách nhiệm di chuyển phương tiện theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này sau khi có văn bản xác nhận của tổ chức, doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này; đồng thời thực hiện đúng yêu cầu khi di chuyển phương tiện theo quy định tại Điều 15 của Thông tư này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023.

2. Thông tư số 21/2018/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển của phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt; Thông tư số 13/2021/TT-BGTVT ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2018/TT-BGTVT; Điều 1 Thông tư số 24/2020/TT-BGTVT ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường sắt hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các phương tiện đã được Cục Đường sắt Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được giữ nguyên số đăng ký phương tiện. Trường hợp chủ sở hữu có nhu cầu cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thì thực hiện theo quy định của Thông tư này.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, nếu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa thực hiện được các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư này thì có văn bản đề nghị Cục Đường sắt Việt Nam tiếp tục thực hiện. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc cấp, cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trên đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư này.

3. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trên đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị do Cục Đường sắt Việt Nam cấp trước đây thì thông báo cho Cục Đường sắt Việt Nam biết để theo dõi.

4. Việc cập nhật cơ sở dữ liệu đăng ký phương tiện lĩnh vực đường sắt sẽ được thực hiện sau khi Cục Đường sắt Việt Nam hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 22;
- Bộ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Công TTĐT Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông; Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, VTài (5b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Danh Huy

Phụ lục I
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG
ĐƯỜNG SẮT

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

.....¹

Loại phương tiện:

Số đăng ký :

--

Tên chủ sở hữu phương tiện:

Địa chỉ:

Số hiệu:

Nước sản xuất:

Nhà sản xuất (nếu có)

Năm sản xuất:

Số Giấy chứng nhận ATKT&BVMT: do cấp ngày thángnăm.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Khổ đường (mm)	
Tự trọng/trọng lượng chính bị (tấn)	
Tải trọng/Tải trọng trục (tấn) – số chỗ	
Kiểu truyền động	
Kiểu loại động cơ	
Công suất động cơ HP/KW	
Loại giá chuyên hướng	
Kích thước giới hạn của phương tiện: (DxRxC) mm	

..... ngày..... tháng.. ...năm.....

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

¹ Trường hợp cấp lại ghi rõ Cấp lại lần 1, Cấp lại lần 2 ...

Ghi chú:

- Đối với toa xe: Trong bảng thông số kỹ thuật in các thông số khổ đường, tự trọng, tải trọng – số chỗ, loại giá chuyên hướng và kích thước giới hạn của phương tiện (DxRxC);
- Đối với đầu máy, phương tiện chuyên dùng: Trong bảng thông số kỹ thuật in các thông số khổ đường, trọng lượng chính bị, tải trọng trục – số chỗ, kiểu truyền động, kiểu loại động cơ, công suất động cơ và kích thước giới hạn của phương tiện (DxRxC).

Phụ lục II
DANH SÁCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC
TRUNG ƯƠNG ĐƯỢC PHÂN CẤP TỔ CHỨC CẤP, CẤP LẠI, THU HỒI, XÓA
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN TRÊN ĐƯỜNG SẮT
CHUYÊN DÙNG, ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Tên Ủy Ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
1	Ủy Ban nhân dân thành phố Hà Nội
2	Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
3	Ủy Ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên
4	Ủy Ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Phụ lục III
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CHỦ SỞ HỮU PHƯƠNG TIỆN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/....

... .. ,ngày tháng năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT
(Dùng cho phương tiện đăng ký lần đầu)
 Kính gửi²:

Tên chủ sở hữu phương tiện:

Địa chỉ:

Kính đề nghị³.....xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho phương tiện sau:

Loại phương tiện (Đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng):.....

Số hiệu:

Xuất xứ (nước sản xuất, nhà sản xuất nếu có):

Năm sản xuất:

Số Giấy chứng nhận ATKT & BVMT: do cấp ngày thángnăm.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Khô đường (mm)	
Tự trọng/trọng lượng chính bị (tấn)	
Tải trọng/tải trọng trục (tấn) - Số chỗ	
Kiểu truyền động	
Kiểu loại động cơ	
Công suất động cơ	
Loại giá chuyển hướng	
Kích thước giới hạn của phương tiện: (DxRxH)	

Giấy tờ kèm theo gồm:

1.

2.

.....

² Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

³ Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ghi chú:

- Đối với toa xe: Trong bảng thông số kỹ thuật in các thông số khô đường, tự trọng, tải trọng – số chỗ, loại giá chuyển hướng và kích thước giới hạn của phương tiện (DxRxH);

- Đối với đầu máy, phương tiện chuyên dùng: Trong bảng thông số kỹ thuật in các thông số khô đường, trọng lượng chính bị, tải trọng trục – số chỗ, kiểu truyền động, kiểu loại động cơ, công suất động cơ và kích thước giới hạn của phương tiện (DxRxH).

Tôi xin cam đoan các thông tin trên là đúng sự thực. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Chủ sở hữu phương tiện
(Ký tên, đóng dấu - nếu có)

Phụ lục IV
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CHỦ SỞ HỮU PHƯƠNG TIỆN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/..., ngày tháng năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT
(Dùng cho phương tiện đã chuyển quyền sở hữu hoặc thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu)

Kính gửi⁴:

Tên chủ sở hữu phương tiện:

Địa chỉ:

Kính đề nghị⁵..... xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho phương tiện sau:

Loại phương tiện (Đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng):.....

Số hiệu:

Xuất xứ (nước sản xuất, nhà sản xuất nếu có):

Năm sản xuất:

Số Giấy chứng nhận ATKT & BVMT: do cấp ngày tháng năm.....

Số đăng ký phương tiện đã được cấp:.....

Tại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện sốdo cấp ngày tháng năm.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Khổ đường (mm)	
Tự trọng/trọng lượng chính bị (tấn)	
Tải trọng/tải trọng trục (tấn) - Số chỗ	
Kiểu truyền động	
Kiểu loại động cơ	
Công suất động cơ	
Loại giá chuyển hướng	
Kích thước giới hạn của phương tiện: (DxRxH)	

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện⁶:

.....
.....
.....

⁴ Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

⁵ Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

⁶ Nêu rõ lý do xin cấp lại: Mua lại (hoặc Điều chuyển) từ tổ chức hoặc cá nhân nào theo Quyết định điều chuyển số hoặc hợp đồng cho, tặng, mua bán...; đã chuyển quyền sở hữu, thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu...

Ghi chú:

- Đối với toa xe: Trong bảng thông số kỹ thuật in các thông số khổ đường, tự trọng, tải trọng – số chỗ, loại giá chuyển hướng, kích thước giới hạn của phương tiện(DxRx C);
- Đối với đầu máy, phương tiện chuyên dùng: Trong bảng thông số kỹ thuật in các thông số khổ đường, trọng lượng chính bị, tải trọng trục – số chỗ, kiểu truyền động, kiểu loại động cơ, công suất động cơ; kích thước giới hạn của phương tiện(DxRx C).

Giấy tờ kèm theo gồm:

1.
2.

Tôi xin cam đoan các thông tin trên là đúng sự thực. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Chủ sở hữu phương tiện
(Ký tên, đóng dấu - nếu có)

Phụ lục VI
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ THU HỒI, XÓA
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CHỦ SỞ HỮU PHƯƠNG TIỆN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

... .. , ngày tháng năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THU HỒI, XÓA
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT
(Dùng cho phương tiện đề nghị thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký)

Kính gửi¹⁰:

Tên chủ sở hữu phương tiện:

Địa chỉ:

Kính đề nghị¹¹..... xét thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho phương tiện sau:

Loại phương tiện (Đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng):.....

Số hiệu:

Xuất xứ (nước sản xuất, nhà sản xuất nếu có):

Năm sản xuất:

Số đăng ký phương tiện đã được cấp:.....

Tại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện sốdo cấp ngày thángnăm.....

Lý do thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện¹²:

.....

.....

Giấy tờ kèm theo gồm:

1.

2.

...

Tôi xin cam đoan các thông tin trên là đúng sự thực. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Chủ sở hữu phương tiện
(Ký tên, đóng dấu - nếu có)

¹⁰ Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

¹¹ Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

¹² Nêu rõ lý do xin thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện;

Phụ lục VII
MẪU GIẤY XÁC NHẬN ĐÃ KHAI BÁO MẮT GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

GIẤY XÁC NHẬN
ĐÃ KHAI BÁO MẮT GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN

....¹³ xác nhận:

....¹⁴ đã có Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, số: ... ngày ... tháng..... năm đối với phương tiện:

Loại phương tiện:

Tên chủ sở hữu phương tiện:

Địa chỉ chủ sở hữu phương tiện:.....

Số hiệu:

Xuất xứ (nước sản xuất, nhà sản xuất):.....

Năm sản xuất:

Số Giấy chứng nhận ATKT & BVMT: do cấp ngày tháng năm.....

Số đăng ký phương tiện đã được cấp:.....

Tại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện sốdo cấp ngày tháng năm.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Khô đường (mm)	
Tự trọng/trọng lượng chính bị (tấn)	
Tải trọng/tải trọng trục (tấn) - Số chỗ	
Kiểu truyền động	
Kiểu loại động cơ	
Công suất động cơ	
Loại giá chuyển hướng	
Kích thước giới hạn của phương tiện: (DxRx C)	

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện¹⁵:

¹³ Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

¹⁴ Tên chủ sở hữu phương tiện;

¹⁵ Nêu rõ lý do xin cấp lại: Bị mất Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh mất;

Ghi chú:

- Đối với toa xe: Trong bảng thông số kỹ thuật in các thông số khô đường, tự trọng, tải trọng – số chỗ, loại giá chuyển hướng và kích thước giới hạn của phương tiện (DxRx C);

- Đối với đầu máy, phương tiện chuyên dùng: Trong bảng thông số kỹ thuật in các thông số khô đường, trọng lượng chính bị, tải trọng trục – số chỗ, kiểu truyền động, kiểu loại động cơ, công suất động cơ và kích thước giới hạn của phương tiện (DxRx C).

.....
.....
Giấy xác nhận này thay thế Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện và có hiệu lực trong
thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký.

... .., ngày ... tháng năm.....
NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
(Ký tên, đóng dấu)

II. BÁO CÁO MỘT SỐ NỘI DUNG CỤ THỂ

1. Về số liệu tăng, giảm ở cột (5) (nếu có)
2. Về chênh lệch số liệu giữa nhu cầu/đã giải quyết ở các cột 7/8, 9/10, 11/12, 13/14, 15/16 (nếu có)
3. Về các nội dung khác, đề xuất, kiến nghị (nếu có)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

1. Cột (4): Tổng số phương tiện tại thời điểm báo cáo (bao gồm đang sử dụng, chưa sử dụng, không sử dụng)
2. Cột (5): Trường hợp giảm so với năm trước ghi số lượng giảm có dấu “-” đằng trước
3. Cột (6): Số lượng phương tiện được cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (GCN) trong tổng số phương tiện tại cột (4)

Phụ lục IX
MẪU SỔ THEO DÕI
VIỆC SỬ DỤNG PHÔI GIẤY CHỨNGNHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
CÓ THẨM QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ THEO DÕI
VIỆC SỬ DỤNG PHÔI GIẤY CHỨNGNHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN
NĂM.....

Thứ tự	Ngày, tháng năm	Số lượng phôi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã nhận	Số lượng phôi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã sử dụng		
			Tổng số	Số lượng bị hư hỏng	Chủ sở hữu phương tiện được cấp GCN
1					
2					
...					
Tổng số					

Số lượng phôi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện chưa sử dụng: